TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH,** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91**/2017/ HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2017
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Công Đẳng
2. Ông Lâm Hữu Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2017/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh H, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: Khóm 5, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị N, sinh năm 1976;
Địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh H và chị N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn, do cuộc sống chung hai người không hạnh phúc ngày 06 – 7 – 2017 anh H có Đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị N.

Con chung: L, sinh năm 1994; Q, sinh năm 1993; B, sinh năm 1997; T, sinh năm 1999 các con chung đã thành niên không bệnh tật nên không cần người chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tài sản chung: Anh H, chị N không yêu cầu Tòa án phân chia.

Nợ chung: Anh H, chị N xác định, không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Việc vắng mặt đương sự*: Chị N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện U Minh triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng chị

N không đến và có ý kiến bằng văn bản là từ chối tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, đồng ý Tòa án xét xử vắng mặt chị; theo quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] *Xét yêu cầu của anh H*: Anh H và chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, tuy có đủ các điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo luật Hôn nhân và gia đình quy định. Theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa anh H và chị N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Con chung: L, sinh năm 1994; Q, sinh năm 1993; B, sinh năm 1997; T, sinh năm 1999 các con chung đã thành niên không bệnh tật nên không cần người chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Tài sản chung: Anh H, chị N không yêu cầu Tòa án phân chia nên không giải quyết trong vụ án này.

[5] Nợ chung: Anh H, chị N xác định, không.

[6] *Án phí*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ khoản 1 điều 227; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: [1] Quan hệ giữa anh H và chị N không được công nhận quan hệ vợ chồng.

[2] Con chung: L, sinh năm 1994; Q, sinh năm 1993; B, sinh năm 1997; T, sinh năm 1999 các con chung đã thành niên không bệnh tật nên không cần người chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3] Tài sản chung: Không giải quyết trong vụ án này.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm anh H phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0011466 ngày 07 – 7 – 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh; anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trịnh Xuân Miễn

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.